

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ T
TỈNH TUYÊN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 198/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 19-8-2024

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ T, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thảo.

2. Bà Lý Thị Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Bê Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại Phòng xét xử của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 107/2024/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 5 năm 2024, về việc *Tranh chấp hôn nhân và gia đình*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 31 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **ĐẶNG TUẤN H**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Số nhà 151, đường Lý Nam Đế tổ dân phố 17, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Có mặt.

2. *Bị đơn:* Chị **LƯƠNG THỊ N**, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Số nhà 151, đường Lý Nam Đế, tổ dân phố 17, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang - Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh **ĐẶNG TUẤN H** trình bày tại đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản hoà giải và tại phiên tòa: Tôi và chị **LƯƠNG THỊ N** được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 13/3/2018 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục cho vợ chồng tôi. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc được một thời gian đầu sau đó nảy sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống. Từ tháng 12 năm 2023, do vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn căng thẳng không thể cùng nhau chung sống vợ chồng, nên

tôi và chị N sống ly thân cho đến nay. Mâu thuẫn chồng tôi đã được hai bên gia đình hoà giải, nhưng không thành.

Tại phiên toà hôm nay, tôi xác định tình cảm vợ chồng đã hết, mâu thuẫn vợ chồng xảy ra căng thẳng kéo dài, thực tế vợ chồng sống ly thân từ tháng 12/2023 đến nay, do vậy tôi đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho tôi được ly hôn với chị LƯƠNG THỊ N theo quy định.

Về con chung: Tôi và chị N có 02 con chung là cháu Đặng Phương N, sinh ngày 05/8/2018 và cháu Đặng Phương L, sinh ngày 24/8/2021. Khi ly hôn tôi đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết cho tôi được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cháu Đặng Phương N; tôi nhất trí chị N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung cháu Đặng Phương L; tôi và chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung: Tôi và chị LƯƠNG THỊ N không có, nên không yêu cầu giải quyết khi ly hôn.

- *Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung:* Tôi và chị LƯƠNG THỊ N không có, nên không yêu cầu giải quyết khi ly hôn.

Bị đơn chị LƯƠNG THỊ N trình bày tại đơn khởi kiện, Bản tự khai, Biên bản hoà giải và tại phiên toà: Tôi và anh ĐẶNG TUẤN H được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 13/3/2018 tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, hai bên gia đình có tổ chức lễ cưới theo phong tục cho vợ chồng tôi. Sau khi kết hôn, vợ chồng tôi chung sống hạnh phúc một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn và ngày càng trầm trọng mặc dù đã được hai bên hòa giải, nhưng không thể hòa hợp, do vậy anh H có đơn xin ly hôn với tôi.

Về quan hệ hôn nhân: Tôi xác định từ tháng 12 năm 2023 đến nay tôi và anh H sống ly thân, nên tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, nên tôi nhất trí thuận tình ly hôn với anh H, đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết.

Về con chung: Tôi và anh H có 02 con chung là cháu Đặng Phương N, sinh ngày 05/8/2018 và cháu Đặng Phương L, sinh ngày 24/8/2021. Khi ly hôn tôi yêu cầu Hội đồng xét xử giải quyết cho tôi được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung là cháu Đặng Phương N và cháu Đặng Phương L, tôi không yêu cầu anh H phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng tôi.

Về tài sản chung: Tôi và anh H không có, nên không yêu cầu giải quyết khi ly hôn.

- *Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung:* Tôi và anh H không có, nên không yêu cầu giải quyết khi ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, về chứng cứ nguyên đơn anh ĐẶNG TUẤN H cung cấp cho Tòa án:

- 01 (Một) Giấy chứng nhận kết hôn mang tên vợ LƯƠNG THỊ N, mang tên chồng ĐẶNG TUẤN H.

- 01 (Một) Căn cước công dân đứng tên ĐẶNG TUẤN H (bản sao có chứng thực).

- 02 (Hai) Giấy khai sinh đứng tên Đặng Phương N, sinh ngày 05/8/2018 và Đặng Phương L, sinh ngày 24/8/2021.

- 01 (Một) Bản tổng hợp thu nhập tháng 6 năm 2024 của Công ty xăng dầu Tuyên Quang - Công ty TNHH một thành viên đối với anh Đặng Tuấn Diệp.

Bị đơn chị LƯƠNG THỊ N cung cấp 01 (Một) bản sao hợp đồng thuê nhà.

Tòa án nhân dân thành phố T xác minh tại địa phương nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và nơi ở của anh ĐẶNG TUẤN H và chị LƯƠNG THỊ N được biết: Anh H và chị N là vợ chồng, có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ dân phố 17, phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang. Quá trình chung sống vợ chồng anh H và chị N có xảy ra mâu thuẫn nên anh H và chị N không chung sống cùng nhau tại gia đình; chị N ra ngoài làm ăn không về địa phương, nên từ năm 2023 đến nay chị N và anh H sống ly thân. Anh H xin ly hôn với chị N địa phương đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật. Về con chung anh H và chị N có 02 người con chung là cháu Đặng Phương N, sinh ngày 05/8/2018 và cháu Đặng Phương L, sinh ngày 24/8/2021, hiện cháu N ở với anh H và cháu L đang ở cùng chị N.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Tuyên Quang, tỉnh Tuyên Quang, đã hòa giải cho anh H và chị N nhiều lần, nhưng không thành, các đương sự đều đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, thụ lý và giải quyết vụ án sơ thẩm về việc *Tranh chấp hôn nhân và gia đình* là đúng thẩm quyền, đúng nội dung tranh chấp. Tòa án xác định tư cách đương sự, và tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng trình tự của pháp luật quy định. Các phần tiến hành tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tiến hành theo đúng trình tự, đúng pháp luật tố tụng quy định; ý thức chấp hành pháp luật của đương sự đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 207, 227, 228; khoản 1 Điều 235; Điều 238; 246; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh ĐẶNG TUẤN H với chị LƯƠNG THỊ N (Giấy chứng nhận kết hôn số: 19/2018 ngày 29/3/2018 của Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang).

- Về con chung: + Giao cháu Đặng Phương N, sinh ngày 05 tháng 8 năm 2018, cho anh ĐẶNG TUẤN H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

+ Giao cháu Đặng Phương L, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2021, cho chị LƯƠNG THỊ N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh ĐẶNG TUẤN H và chị LƯƠNG THỊ N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung anh ĐẶNG TUẤN H và chị LƯƠNG THỊ N đều xác định không có, nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung anh ĐẶNG TUẤN H và chị LƯƠNG THỊ N đều xác định không có, nên không xem xét giải quyết.
- Anh ĐẶNG TUẤN H phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị LƯƠNG THỊ N không phải chịu tiền án phí sơ thẩm.
- Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Anh ĐẶNG TUẤN H và chị LƯƠNG THỊ N được tự do tìm hiểu, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, vào ngày 13 tháng 3 năm 2018, hai gia đình có tổ chức lễ kết hôn theo phong tục địa phương, nên đây là hôn nhân hợp pháp. Về tình cảm vợ chồng thời gian đầu chung sống hạnh phúc, đến khoảng tháng 12 năm 2023 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, đến năm 2024 tình cảm vợ chồng ngày càng mâu thuẫn căng thẳng không thể cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, vợ chồng sống ly thân đến nay, nên anh H có đơn xin ly hôn với chị N. Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, xét thấy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Tuyên Quang, theo quy định của pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Xét thấy anh H và chị N có mâu thuẫn căng thẳng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thực tế vợ chồng sống ly thân từ khoảng đầu năm 2024 đến nay không còn quan tâm đến nhau, tại phiên toà H và chị N nhất trí thuận tình ly hôn, nên chấp nhận theo quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Anh ĐẶNG TUẤN H và chị LƯƠNG THỊ N có 02 người con chung là cháu Đặng Phương N, sinh ngày 05/8/2018 và cháu Đặng Phương L, sinh ngày 24/8/2021. Xét thấy cháu N và cháu L tính đến ngày xét xử sơ thẩm là người chưa đủ 18 tuổi, nên cần phải có người trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục. Thấy rằng anh H, chị Linh đều có nguyện vọng và đều có khả năng trực tiếp nuôi dưỡng, giáo dục con chung như nhau, nên giao cháu N cho anh H, giao cháu L cho chị N được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh H và chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở là có căn cứ theo Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình và phù hợp với thực tế.

[4] Về tài sản chung anh ĐẶNG TUẤN H và chị LƯƠNG THỊ N đều xác định không có, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản cho vay và tài sản vay nợ chung anh ĐẶNG TUẤN H và chị LƯƠNG THỊ N đều xác định không có, nên không xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

[6] Về án phí: Anh ĐẶNG TUẤN H phải chịu toàn bộ tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Chị LƯƠNG THỊ N không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[7] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 55; Điều 81; 82; 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; Điều 207, 227, 228; khoản 1 Điều 235; Điều 238; 246; 266; 267; 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh ĐẶNG TUẤN H và chị LƯƠNG THỊ N (Giấy chứng nhận kết hôn số: 17, ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Ủy ban nhân dân phường T, thành phố T, tỉnh Tuyên Quang).

2. Tuyên xử:

- Về con chung: + Giao cháu Đặng Phương N, sinh ngày 05 tháng 8 năm 2018, cho anh ĐẶNG TUẤN H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

+ Giao cháu Đặng Phương L, sinh ngày 24 tháng 8 năm 2021, cho chị LƯƠNG THỊ N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh ĐẶNG TUẤN H và chị LƯƠNG THỊ N không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: - Anh ĐẶNG TUẤN H phải chịu tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0000949, ngày 20 tháng 5 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Tuyên Quang). Anh ĐẶNG TUẤN H đã nộp đủ tiền án phí.

- Chị LƯƠNG THỊ N không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh ĐẶNG TUẤN H và chị LƯƠNG THỊ N được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND TP. Tuyên Quang;
- Chi cục THADS TP. Tuyên Quang;
- UBND phường T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu TAND TP. Tuyên Quang.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Tuấn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thị Thảo

Lý Thị Nhân

Trần Anh Tuấn